TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 02 – 2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chiu và bà Nguyễn Thị Bích

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Thuý Quỳnh – Là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk.

-** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Thanh Thạnh – Kiểm sát viên

Vào ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:76/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1998

HKTT: Thôn 26, xã Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Thôn 9, xã Hoà Sơn, tỉnh Đắk Lắk

(vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2025 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Lê Văn T chung sống, có đăng ký kết kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh

Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, ông bà về sống chung tại nhà chồng ở thôn F, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk), là nhà ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2.

Ông bà có hai con chung là cháu Lê Trần Hà V, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2017 và cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2021.

Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Mỗi khi vợ chồng trao đổi, bàn bạc với nhau về vấn đề kinh tế gia đình hay tiền bạc thì đều cãi nhau. Ngoài ra, ông T ham chơi, thường xuyên đi chơi qua đêm, không lo phụ giúp bà về kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con nên bà có cằn nhằn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Vì vậy, bà H đã nhiều lần (khoảng 4-5 lần) bỏ về nhà mẹ đẻ (nhà ông Trần Văn T1 và bà Trương Thị L1 – nay đều đã chết) để ở, mỗi lần đi khoảng 2 – 3 tháng mới về lại nhà chồng. Lần gần nhất vào tháng 5/2024, ông bà cãi nhau và bà đã mang theo cháu Lê Trần Thảo L cùng bà về nhà mẹ đẻ tại thôn I, xã H, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống cho đến nay, còn cháu Lê Trần Hà V thì ông T không cho bà đưa cháu đi nên tạm thời cháu đang ở nhà ông bà nội và được ông bà nội chăm sóc còn ông T đã đi làm ở Đà Nẵng (không rõ địa chỉ do ông T giấu địa chỉ) từ 30/4/2025 đến nay không về. Nay bà đã không còn tình cảm gì với ông T, vợ chồng không còn chung sống, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Quá trình nuôi dạy con cái thì ông T hay chiều hư các con, không nghiêm khắc dạy dỗ, rèn giũa các cháu, đẩy hết cho ông bà nội chăm sóc con trong khi ông bà đã già trong khi bản thân bà ngoài việc chăm sóc các con thì còn nghiêm khắc dạy dỗ các cháu. Hiện nay cả bà và ông T đều không có nhà riêng và ở tại nhà bố mẹ, tuy nhiên ông T thường đi làm ăn xa, không có thu nhập ổn định và không có mặt tại địa phương trong khi bà làm ăn, sinh sống tại địa phương, làm nghề buôn bán sỉ cá tầm, buôn bán tự do và có thu nhập ổn định từ 10 - 30 triệu đồng/tháng. Mặt khác, các cháu đều là con gái, còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ của người mẹ về mọi mặt nên bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Trần Thảo L và cháu Lê Trần Hà V.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Cháu Lê Trần Hà V trình bày ý kiến:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn ở với bố vì bố hiền còn mẹ hay la (mắng) con khi con lười học, mẹ nghiêm khắc với con hơn bố.

Sau đó cháu V thay đổi ý kiến: Cháu muốn ở với mẹ vì mẹ quan tâm cháu hơn bố, bố rất ít về thăm con mà để cháu ở với ông bà nội. Từ tháng 10/2025 đến nay, bố gọi về cho con được khoảng 10 lần. Bố biết mẹ muốn ly hôn bố (qua ông bà nội) nhưng không thấy bố về thăm con.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2025, bà Nguyễn Thị H2 là mẹ đẻ của ông Lê Văn T (cùng nơi cư trú với ông T) trình bày:* Ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 2017 tại nhà vợ chồng bà tại thôn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk. Ông T và bà H chung sống tương đối hạnh phúc, thỉnh thoảng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn do ông T đi chơi qua đêm hoặc về khuya. Mỗi lần cãi vã thì bà H bỏ nhà đi khoảng 2-3 tháng mới về, đến nay bà H đã bỏ đi khoảng 5 lần. Lần gần nhất vào khoảng tháng 5/2024 đến nay không về, có mang theo cháu Lê Trần Thảo L còn cháu Lê Trần Hà V đang ở với vợ chồng ông bà và ông T. Đến 30/4/2025, ông T đi làm tại thành phố Đà Nẵng cho đến nay không về. Vợ chồng bà thường xuyên liên lạc với ông T qua mạng xã hội facebook với tên tài khoản là "Bale Nguyễn Bale N".

Ông bà có nhận được Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập của Toà án, bà có liên lạc với ông T để thông báo thì ông T trả lời rằng đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H nhưng không về làm việc được vì lý do bận việc công ty, bà H muốn làm gì thì làm. Ông T hiện ở đâu, làm gì thì bà không biết do ông T không cung cấp nên bà không cung cấp được cho Toà án.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2025, những người làm chứng là hàng xóm gần nhà bà Trần Thị H và ông Lê Văn T trình bày:* Bà Trần Thị H và ông Lê Văn T mâu thuẫn vì lý do gì thì hàng xóm không biết. Khoảng hơn 01 năm nay, bà H mang theo cháu Lê Trần Thảo L đi nơi khác sinh sống, không ở chung với ông T và bố mẹ chồng nữa. Cháu Lê Trần Hà V hiện đang ở cùng ông bà nội. Ông T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về thăm con. Từ sau lễ 30/4/2025 đến nay không thấy về nhà.

Qua xác minh tại trưởng thôn 26, xã K, tỉnh Đắk Lắk cho thấy: Năm 2017, ông Lê Văn T chung sống với bà Trần Thị H tại nhà bố mẹ chồng là ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2. Ông T và bà H mâu thuẫn như thế nào thì ông không rõ nguyên nhân. Bà H có bỏ nhà đi khoảng 03 lần, hai lần đầu đi khoảng 2-3 tháng thì về. Lần gần nhất vào tháng 5/2025, bà H bỏ đi mang theo con chung là cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 02/10/2021.

Khoảng tháng 3/2025, ông T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà. Lần gần nhất khoảng tháng 6/2025 ông T có về thăm nhà cho đến nay không thấy trở về

nhà.

Con chung của ông bà là cháu Lê Trần Hà V, sinh ngày 30/10/2017 hiện đang ở với ông H1 và bà H2, cháu được chăm sóc và học hành đầy đủ.

Trước đó ông có liên lạc với ông T nhưng khi ông T biết bà H xin ly hôn thì ông T không nghe máy, không biết ông T hiện ở đâu.

Bị đơn Lê Văn T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Toà án.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn Trần Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: *Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị H, tuyên bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Trần Thảo L và cháu Lê Trần Hà V cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" nên yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Bà Trần Thị H và ông Lê Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (này là xã K, tỉnh Đắk Lắk) vào năm 2017 là đúng sự thật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn cho rằng ông T thường xuyên đi chơi qua đêm, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau nên bà đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khoảng 4 – 5 lần, mỗi lần đi khoảng 2 – 3 tháng mới về lại nhà chồng. Nội dung này cũng được bà Nguyễn Thị H2 (là mẹ đẻ ông T) thừa nhận. Qua xác minh của những người hàng xóm xung quanh và chính quyền địa phương cho biết: Từ khoảng tháng 5/2025 đến nay, ông T đi làm ăn xa không về, còn bà H mang theo con chung là cháu Lê Trần Thảo L về nhà mẹ đẻ ở. Cháu Lê Trần Hà V hiện đang ở cùng ông bà nội là ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2. Như vậy, có căn cứ để xác định ông T và bà H có mâu thuẫn với nhau và không còn chung sống với nhau ít nhất từ tháng 5/2025 đến nay. Toà án nhiều lần triệu tập nhưng ông T không lên làm việc, không có thiện chí hoà giải và hàn gắn với bà H. Xét thấy nền tảng của gia đình là sự gắn bó về mặt tình cảm, cùng chung sống, cùng yêu thương và tôn trọng lẫn nhau không còn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có hai con chung là cháu Lê Trần Hà V, sinh ngày 30/10/2017 và cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 02/10/2021. Xét thấy cháu V đang ở cùng ông bà nội là ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 còn cháu L đang sống cùng bà H, ông T không có yêu cầu, không có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V và cháu L. Ông T và bà H là cha mẹ của hai cháu, có trách nhiệm phải nuôi dưỡng con chưa thành niên theo quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình 2014, do đó trường hợp này ông T không có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu V thì cần giao cháu cho mẹ là bà H để bà H thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với cháu, chỉ trong trường hợp cháu không có người chăm sóc, nuôi dưỡng thì mới xem xét đến quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng của ông bà nội của cháu theo quy

định tại Điều 104 Luật hôn nhân gia đình 2014. Mặt khác, ngoài việc cho các cháu ăn ở, học hành thì người chăm sóc cần phải dạy dỗ, uốn nắn các cháu nên người, các cháu Lê Trần Thảo L và Lê Trần Hà V đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ, Vì vậy, xét thấy việc giao cháu Lê Trần Thảo L và cháu Lê Trần Hà V cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là tốt nhất cho các cháu, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Hà V, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2017 và cháu Lê Trần Thảo L, sinh ngày 02 tháng 10 năm 2021 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con thực hiện các quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị H chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (300.000 đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001569 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TANDTC;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND khu vực 6 – Đắk Lắk;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Krông Bông;*
-*Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm